

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thái Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tạ Hồng Thái.

Bà Phạm Kim Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Văn Nh.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Lâm Mỹ L.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Trần Văn Nh trình bày:** Anh và chị Lâm Mỹ L chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Ngãi, huyện Long Phú. Quá trình chung

sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do tính tình không phù hợp, dù đã tìm cách khắc phục, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2020 chị L bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Lâm Mỹ L.

Con chung: vợ chồng có 02 đứa con chung tên Trần Lâm Mỹ Ph (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/8/2006 và Trần Lâm Nhật T (giới tính: Nam), sinh ngày 25/9/2009. Hiện hai cháu đang sống chung với mẹ. Sau ly hôn anh thống nhất giao hai cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, hai cháu 4.000.000 đồng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn chị Lâm Mỹ L tại Bản tự khai lập ngày 05/6/2020 trình bày:*** Chị và anh Trần Văn Nh chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Ngãi, huyện Long Phú. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do tính tình không phù hợp, nên thường xuyên cãi vã, từ đầu năm 2020 chị bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Nh yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Con chung: vợ chồng có 02 đứa con chung đúng như anh Nh khai trên. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hết hai cháu. Chị thống nhất số tiền anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu trên.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Tại phiên toà*** nguyên đơn anh Trần Văn Nh trình bày giữ như lời khai và yêu cầu trước đây. Bị đơn chị Lâm Mỹ L vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu mới.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của bị đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trong vụ án là chị Lâm Mỹ L có nơi cư trú tại khu vực 5, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại

Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về xét xử vắng mặt: Chị Lâm Mỹ L là bị đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Nh và chị Lâm Mỹ L chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND Đại Ngãi, huyện Long Phú. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh Nh khởi kiện đến Tòa xin ly hôn, chị L đồng ý. Tòa xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống thời gian sau này không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa anh Nh vẫn yêu cầu xin ly hôn, chị L tại phiên tòa vắng mặt, nhưng trước đó có văn bản đến Tòa đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn. Do đó cuộc sống chung của anh chị nếu để tiếp tục kéo dài sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nh, cho anh được ly hôn với chị Lâm Mỹ L.

[5]. Về con chung: Anh Nh, chị L khai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lâm Mỹ Ph (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/8/2006 và Trần Lâm Nhật T (giới tính: Nam), sinh ngày 25/9/2009. Hai bên không tranh chấp, thống nhất giao cho chị L nuôi dưỡng. Tòa xét thấy: Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con ...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*”. Xét, hai cháu Ph, T đều đã hơn 07 tuổi, ý kiến các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Anh Nh, chị L cũng đã tự thỏa thuận được giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao hai cháu Ph, T cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[6]. Về cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Quá trình thu thập chứng cứ anh, chị thống nhất được số tiền anh Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu, hai cháu 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu của hai bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Tòa chấp nhận. Buộc anh Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền như thỏa thuận.

[7]. Tài sản chung, nợ chung: Anh Nh, chị L khai tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét trong cùng vụ án.

[8]. Về án phí. căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc nguyên đơn có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Nh.

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn Nh được ly hôn với chị Lâm Mỹ L.

- Về con chung:

+ Giao cháu Trần Lâm Mỹ Ph (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/8/2006 và Trần Lâm Nhật T (giới tính: Nam) , sinh ngày 25/9/2009 cho chị Lâm Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh Trần Văn Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/cháu, hai cháu 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Cấp liên tục hàng tháng cho đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp tính từ ngày 10/9/2020.

+ Anh Trần Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản; nợ chung: chưa xem xét giải quyết, do chưa có yêu cầu.

- Về án phí: Buộc anh Trần Văn Nh chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Nh đã nộp theo biên lai thu số 0003118 ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Buộc anh Nh nộp thêm phần còn thiếu sau khi khấu trừ tạm ứng án phí.

- Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự.
- VKSND TP. Vĩnh Thanh.
- Chi cục THADS TP. Vĩnh Thanh.
- UBND xã Đại Ngãi.
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Thái Sơn**